



**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SƠN ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

504

## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 24

# CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai được thành lập từ việc chuyển đổi nhà máy Sơn Đồng Nai (Doanh nghiệp nhà nước thuộc Sở Công Nghiệp Đồng Nai) theo Quyết định số 4636/QĐ-TTG ngày 13/12/1999 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai.

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4703000004 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 09 năm 2010.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại đường số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.182.180.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2012 gồm:

- Chi Nhánh đặt tại Khu Công Nghiệp Yên Phong, Xã Long Châu, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, keo. Xuất nhập khẩu, nguyên liệu và sản phẩm liên quan đến sơn và keo. Dịch vụ thi công về sơn.

### 2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trịnh Minh Trương	Chủ tịch
Ông Đào Đình Đề	Thành viên
Ông Liu Chiên Hưng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trịnh Minh Trương	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thuyền	Phó Tổng Giám đốc

### 3. Tình hình kinh doanh năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

### 4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**  
**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

5. **Kiểm toán viên**

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

6. **Ý kiến của Tổng Giám đốc**

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

*Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2013*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRỊNH MINH TRƯỜNG**



Số: 12.102/BCKT - DTL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 28 tháng 01 năm 2013 của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 24 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2013

**KT TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**KIỂM TOÁN**  
**D.T.L**

**TANG QUỐC THẮNG**  
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG**  
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>30.485.409.687</b>	<b>32.593.901.603</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>1.731.482.947</b>	<b>4.192.138.827</b>
1. Tiền	111		1.731.482.947	3.292.138.827
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	900.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>5.2</b>	<b>18.722.626.262</b>	<b>15.606.767.490</b>
1. Phải thu khách hàng	131		16.059.457.734	14.451.477.061
2. Trả trước cho người bán	132		45.456.607	93.708.750
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		6.577.285.770	5.263.825.084
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.959.573.849)	(4.202.243.405)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.3</b>	<b>9.986.601.102</b>	<b>12.693.504.571</b>
1. Hàng tồn kho	141		10.123.576.599	12.693.504.571
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(136.975.497)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>44.699.376</b>	<b>101.490.715</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	29.475.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>5.4</b>	44.699.376	72.015.715

(Phần tiếp theo trang 05)

# CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.517.950.772</b>	<b>11.801.676.850</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.163.634.622</b>	<b>6.447.360.700</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	5.730.206.568	6.034.832.646
+ Nguyên giá	222		18.055.948.941	17.044.024.942
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.325.742.373)	(11.009.192.296)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
+ Nguyên giá	228		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	433.428.054	412.528.054
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.7	<b>5.019.000.000</b>	<b>5.019.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		5.019.000.000	5.019.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>335.316.150</b>	<b>335.316.150</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.8	335.316.150	335.316.150
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>42.003.360.459</b>	<b>44.395.578.453</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>16.611.229.121</b>	<b>21.579.918.103</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16.264.353.361</b>	<b>21.174.544.796</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	1.875.407.726	7.378.789.002
2. Phải trả người bán	312	5.10	6.504.253.866	7.238.263.861
3. Người mua trả tiền trước	313		69.130.715	5.985.519
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	1.280.465.852	849.233.251
5. Phải trả người lao động	315	5.12	3.190.923.865	3.089.234.591
6. Chi phí phải trả	316	5.13	1.668.847.872	1.186.056.875
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	184.342.654	562.524.715
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.490.980.811	864.456.982
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>346.875.760</b>	<b>405.373.307</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.15	346.875.760	346.875.760
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	58.497.547
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>25.392.131.338</b>	<b>22.815.660.350</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.16	<b>25.392.131.338</b>	<b>22.815.660.350</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.182.180.000	15.182.180.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.434.620.723	2.709.856.523
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.015.475.355	1.653.093.255
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.073.763.923	711.381.823
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.686.091.337	2.559.148.749
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>42.003.360.459</b>	<b>44.395.578.453</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		260.051.215	-
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		738,04	737,32
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

HUỲNH THỊ THANH HƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯƠNG ĐÌNH DŨNG

Đồng Nai, ngày 28 tháng 01 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRỊNH MINH TRƯƠNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		94.449.549.331	86.581.185.319
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.989.257.395	2.044.136.840
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	92.460.291.936	84.537.048.479
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	69.339.015.869	65.690.405.903
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.121.276.067	18.846.642.576
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	199.976.718	347.066.617
7. Chi phí tài chính	22	6.4	872.993.075	1.642.589.133
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		870.362.375	1.264.394.492
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	5.100.183.098	4.901.685.346
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	8.802.605.881	7.262.898.665
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.545.470.731	5.386.536.049
11. Thu nhập khác	31		525.275.693	401.996.445
12. Chi phí khác	32		343.850.868	276.283.277
13. Lợi nhuận khác	40		181.424.825	125.713.168
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.726.895.556	5.512.249.217
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.479.253.555	671.789.845
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.247.642.001	4.840.459.372
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	5.16.4	4.774	3.188

NGƯỜI LẬP BIỂU

HUỲNH THỊ THANH HƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯƠNG ĐÌNH DŨNG

Đồng Nai, ngày 28 tháng 01 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRỊNH MINH TRƯỜNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.726.895.556	5.512.249.217
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.490.587.077	1.248.678.517
Các khoản dự phòng	03		136.975.497	95.070.013
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	877.500
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(213.848.704)	(275.479.814)
Chi phí lãi vay	06		870.362.375	1.264.394.492
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>11.010.971.801</b>	<b>7.845.789.925</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.088.542.433)	(1.421.888.147)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.569.927.972	(1.412.623.102)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		112.869.072	2.518.726.658
Tăng giảm chi phí trả trước	12		29.475.000	(29.475.000)
Tiền lãi vay đã trả	13		(870.362.375)	(1.264.394.492)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.618.099.151)	(441.149.908)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.400.000	12.600.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(621.000.795)	(756.909.700)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	20		<b>7.527.639.091</b>	<b>5.050.676.234</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.206.860.999)	(2.128.778.766)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		25.686.364	83.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		188.162.340	193.249.996
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(993.012.295)</b>	<b>(1.852.346.952)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

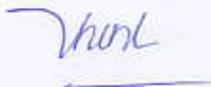
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		34.275.496.826	47.079.303.095
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(39.778.878.102)	(46.670.364.748)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.491.901.400)	(3.036.307.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(8.995.282.676)</b>	<b>(2.627.369.253)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(2.460.655.880)	570.960.029
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.192.138.827	3.621.178.798
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>1.731.482.947</b>	<b>4.192.138.827</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



HUỲNH THỊ THANH HƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRƯƠNG ĐÌNH DŨNG

Đồng Nai, ngày 28 tháng 01 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRỊNH MINH TRƯƠNG

# CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

- Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là công ty) được thành lập từ việc chuyển đổi nhà máy Sơn Đồng Nai (Doanh nghiệp nhà nước thuộc Sở Công Nghiệp Đồng Nai) theo Quyết định số 4636/QĐ-TTG ngày 13/12/1999 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai.
- Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4703000004 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 09 năm 2010.
- Trụ sở và nhà máy được đặt tại đường số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.182.180.000 đồng.
- Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2012 gồm:  
Chi Nhánh đặt tại Khu Công Nghiệp Yên Phong, Xã Long Châu, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, keo. Xuất nhập khẩu, nguyên liệu và sản phẩm liên quan đến sơn và keo. Dịch vụ thi công về sơn

### 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

#### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

#### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

#### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05– 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 08 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

### 4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

### 4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của năm đó.

### 4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 4.11. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

#### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

#### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

#### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.248.051.813	1.852.944.844
Tiền gửi ngân hàng	483.431.134	1.439.193.983
Các khoản tương đương tiền	-	900.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.731.482.947</b>	<b>4.192.138.827</b>

#### 5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	16.059.457.734	14.451.477.061
Trả trước cho người bán	45.456.607	93.708.750
Các khoản phải thu khác	6.577.285.770	5.263.825.084
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>22.682.200.111</b>	<b>19.809.010.895</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.959.573.849)	(4.202.243.405)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>18.722.626.262</b>	<b>15.606.767.490</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu tiền gia công	6.449.270.838	4.640.060.460
Thuế VAT hàng nhập khẩu	-	69.307.290
Phải thu khác	128.014.932	554.457.334
<b>Cộng</b>	<b>6.577.285.770</b>	<b>5.263.825.084</b>

#### 5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	6.645.591.132	9.021.010.914
Công cụ, dụng cụ	602.814.902	532.580.297
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	276.398.234	211.644.606
Thành phẩm	2.593.466.131	2.928.012.354
Hàng hóa	5.306.200	256.400
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>10.123.576.599</b>	<b>12.693.504.571</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(136.975.497)	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>9.986.601.102</b>	<b>12.693.504.571</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.4. Tài sản ngắn hạn khác**

Là khoản tạm ứng của nhân viên.

**5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	5.227.795.352	6.297.278.848	3.381.800.067	2.137.150.675	17.044.024.942
Mua trong năm	-	359.499.352	499.993.636	186.990.911	1.046.483.899
Đầu tư XD CB hoàn thành	139.477.100	-	-	-	139.477.100
Thanh lý, nhượng bán	(86.537.000)	-	(87.500.000)	-	(174.037.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.280.735.452</b>	<b>6.656.778.200</b>	<b>3.794.293.703</b>	<b>2.324.141.586</b>	<b>18.055.948.941</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	4.536.720.675	3.606.978.346	1.674.462.775	1.191.030.500	11.009.192.296
Khấu hao trong năm	194.699.730	634.183.261	348.731.877	312.972.209	1.490.587.077
Thanh lý, nhượng bán	(86.537.000)	-	(87.500.000)	-	(174.037.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.644.883.405</b>	<b>4.241.161.607</b>	<b>1.935.694.652</b>	<b>1.504.002.709</b>	<b>12.325.742.373</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	691.074.677	2.690.300.502	1.707.337.292	946.120.175	6.034.832.646
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>635.852.047</b>	<b>2.348.748.872</b>	<b>1.858.599.051</b>	<b>887.006.598</b>	<b>5.730.206.568</b>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.818.532.022 đồng.

Giá trị tài sản cố định thế chấp cho các khoản vay là 502.887.604 đồng. (xem thêm mục 5.9)

**5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối năm	Đầu năm
Máy pha màu	358.208.054	358.208.054
Máy trộn sơn tự động	54.320.000	54.320.000
Băng tải mâm xoay	20.900.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>433.428.054</b>	<b>412.528.054</b>

**5.7. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	5.019.000.000	5.019.000.000
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>5.019.000.000</b>	<b>5.019.000.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>5.019.000.000</b>	<b>5.019.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Công ty CP đầu tư Nhơn Trạch	81.900	819.000.000	81.900	819.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Sonadezi Châu Đức	420.000	4.200.000.000	420.000	4.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>501.900</b>	<b>5.019.000.000</b>	<b>501.900</b>	<b>5.019.000.000</b>

**5.8. Tài sản dài hạn khác**

Đây là khoản ký quỹ, ký cược nhằm mục đích thuê nhà xưởng tại khu công nghiệp Yên Phong Bắc Ninh theo hợp đồng thuê nhà xưởng số 58-2008/CTXD-HĐKT.

**5.9. Vay ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng (VND)	1.875.407.726	6.647.726.202
Vay ngân hàng (USD)	-	731.062.800
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.875.407.726</b>	<b>7.378.789.002</b>

Vay ngắn hạn ngân hàng bao gồm:

- Vay ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Biên Hoà theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/SĐN/2011/HĐTD ngày 01/06/2011, thời hạn vay 12 tháng, hạn mức tín dụng 14.000.000.000 đồng, lãi suất vay được ghi nhận theo từng giấy nhận nợ với lãi suất bình quân là 18,64%/năm đối với VND.
- Vay NH TNHH MTV HSBC theo HĐTD số DNI 121613 ngày 20/11/2012, thời hạn vay 4 tháng, hạn mức tín dụng tương đương 600.000 USD, lãi suất bình quân là 7%/năm.

Mục đích các khoản vay này là bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh.

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, nhà máy sản xuất sơn ( xem thêm mục 5.5 )

**5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	6.504.253.866	7.238.263.861
Người mua trả tiền trước	69.130.715	5.985.519
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.573.384.581</b>	<b>7.244.249.380</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

**5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	828.058.740	92.294.899
Thuế xuất, nhập khẩu	-	69.307.290
Thuế thu nhập doanh nghiệp	309.764.103	448.609.699
Thuế thu nhập cá nhân	142.643.009	239.021.363
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.280.465.852</b>	<b>849.233.251</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.12. Phải trả người lao động**

Là khoản lương tháng 12 và thưởng năm 2012 còn phải trả.

**5.13. Chi phí phải trả**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Trích trước tiền thưởng doanh số	1.343.300.000	1.051.500.000
Trích trước chi phí chiết khấu thương mại phải trả	138.000.000	85.668.480
Trích trước chi phí điện tại phân xưởng	187.547.872	48.888.395
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.668.847.872</b>	<b>1.186.056.875</b>

**5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Kinh phí công đoàn	30.853.945	25.625.951
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	150.000.000	150.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.488.709	386.898.764
<b>Tổng cộng</b>	<b>184.342.654</b>	<b>562.524.715</b>

**5.15. Phải trả dài hạn khác**

Là khoản đặt cọc của Công ty PPG cho hợp đồng thuê đất tại chi nhánh Bắc Ninh.

*(Phần tiếp theo ở trang 18)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.16. Vốn chủ sở hữu**

**5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	15.182.180.000	(97.591.060)	1.966.040.794	1.422.784.973	481.073.541	2.748.164.989	21.702.653.237
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	4.840.459.373	4.840.459.373
Tăng khác	-	97.591.060	234.293.728	-	-	(234.293.728)	97.591.060
Trích quỹ	-	-	509.522.001	230.308.282	230.308.282	(1.758.874.285)	(788.735.720)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(3.036.307.600)	(3.036.307.600)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>15.182.180.000</b>	-	<b>2.709.856.523</b>	<b>1.653.093.255</b>	<b>711.381.823</b>	<b>2.559.148.749</b>	<b>22.815.660.350</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	7.247.642.001	7.247.642.001
Trích quỹ	-	-	724.764.200	362.382.100	362.382.100	(2.628.798.013)	(1.179.269.613)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(3.491.901.400)	(3.491.901.400)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>15.182.180.000</b>	-	<b>3.434.620.723</b>	<b>2.015.475.355</b>	<b>1.073.763.923</b>	<b>3.686.091.337</b>	<b>25.392.131.338</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	4.555.440.000	4.555.440.000
Vốn góp của các đối tượng khác	10.626.740.000	10.626.740.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.182.180.000</b>	<b>15.182.180.000</b>

### 5.16.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	1.518.218	1.518.218
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	1.518.218	1.518.218
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	-	-
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	1.518.218	1.518.218
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

### 5.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	7.247.642.001	4.840.459.373
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	1.518.218	1.518.218
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>4.774</b>	<b>3.188</b>

## 6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	94.111.632.666	86.323.010.633
Doanh thu cung cấp dịch vụ	337.916.665	258.174.686
Chiết khấu thương mại	(1.273.739.849)	(1.528.881.076)
Hàng bán bị trả lại	(715.517.546)	(515.255.764)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>92.460.291.936</b>	<b>84.537.048.479</b>

### 6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	69.284.140.596	65.612.294.322
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	54.875.273	78.111.581
<b>Tổng cộng</b>	<b>69.339.015.869</b>	<b>65.690.405.903</b>

### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	36.995.604	42.049.996
Cổ tức, lợi nhuận được chia	151.166.736	151.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.030.603	139.773.851
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.783.775	14.042.770
<b>Tổng cộng</b>	<b>199.976.718</b>	<b>347.066.617</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**6.4. Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí lãi vay	870.362.375	1.264.394.492
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.630.700	377.317.141
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	877.500
<b>Tổng cộng</b>	<b>872.993.075</b>	<b>1.642.589.133</b>

**6.5. Chi phí bán hàng**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.219.076.938	1.173.922.597
Chi phí dụng cụ sản xuất	89.068.652	90.033.990
Chi phí hoạt động xúc tiến thương mại	2.642.181.209	2.124.787.481
Chi phí dịch vụ mua ngoài	391.261.019	485.280.801
Chi phí khác bằng tiền	758.595.280	1.027.660.477
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.100.183.098</b>	<b>4.901.685.346</b>

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	567.294.919	456.457.782
Chi phí đồ dùng văn phòng	150.076.868	172.614.164
Chi phí nhân công	4.714.177.682	3.792.251.714
Chi phí khấu hao tài sản cố định	316.263.974	214.743.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	565.213.668	474.459.320
Thuế phí, lệ phí	352.435.078	356.796.317
Chi phí khác	2.137.143.692	1.795.575.678
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.802.605.881</b>	<b>7.262.898.665</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	8.726.895.556	5.512.249.217
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	63.556.998	96.250.304
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(151.166.736)	(151.200.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	<b>8.639.285.818</b>	<b>5.457.299.521</b>
Trong đó :		
Thu nhập được miễn thuế của chi nhánh Bắc Ninh	186.408.360	334.581.016
Thu nhập chịu thuế suất 15%		4.997.005.337
Thu nhập chịu thuế suất 25%	8.452.877.458	125.713.168
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	<b>2.113.219.365</b>	<b>780.979.092</b>
Thuế được giảm theo Nghị Quyết 29/2012/QH13 ngày 21/06/2012	(633.965.809)	(234.293.728)
Thuế TNDN bị truy thu theo BB quyết toán thuế 31/08/2011	-	125.104.481
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b>1.479.253.555</b>	<b>671.789.845</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như: cổ tức, chi phí không hợp lệ, chi phí phạt vi phạm hành chính.

**6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.604.270.646	51.771.069.948
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.490.587.077	1.248.678.517
Chi phí nhân công	17.663.487.148	14.389.506.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	10.213.667.382	10.905.163.955
<b>Tổng cộng</b>	<b>82.972.012.253</b>	<b>78.314.419.046</b>

**7. Báo cáo bộ phận**

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực đại lý cần thiết phải thuyết minh.

**8. Thông tin về các bên có liên quan**

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	123.540.000	143.000.000
Lương Giám đốc và các nhân viên chủ chốt khác	876.421.755	1.020.676.210
<b>Tổng cộng</b>	<b>999.961.755</b>	<b>1.163.676.210</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.11

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.731.482.947	4.192.138.827
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.549.154.723	14.889.294.116
Đầu tư dài hạn	5.019.000.000	5.019.000.000
Ký quỹ, ký cược	335.316.150	335.316.150
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.634.953.820</b>	<b>24.435.749.093</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	1.875.407.726	7.378.789.002
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	7.001.129.626	7.735.139.621
Chi phí phải trả	1.668.847.872	1.186.056.875
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.545.385.224</b>	<b>16.299.985.498</b>

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
Đô la Mỹ (USD)	63.720	102.325.13	738,04	737,32

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

#### ▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

#### ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>31/12/2012</b>	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	7.001.129.626	-	7.001.129.626
Chi phí phải trả	1.668.847.872	-	1.668.847.872
Các khoản vay	1.875.407.726	-	1.875.407.726
<b>01/01/2012</b>	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	7.735.139.621	-	7.735.139.621
Chi phí phải trả	1.186.056.875	-	1.186.056.875
Các khoản vay	7.378.789.002	-	7.378.789.002

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

<b>31/12/2012</b>	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.549.154.723	-	18.549.154.723
Tài sản tài chính khác	-	5.019.000.000	5.019.000.000
Ký quỹ, ký cược	-	335.316.150	335.316.150
<b>01/01/2012</b>	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.889.294.116	-	14.889.294.116
Tài sản tài chính khác	-	5.019.000.000	5.019.000.000
Ký quỹ, ký cược	-	335.316.150	335.316.150

**10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 28 tháng 01 năm 2013.

Đồng Nai, ngày 28 tháng 01 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỲNH THỊ THANH HƯƠNG

TRƯƠNG ĐÌNH DŨNG

TRỊNH MINH TRƯỜNG